

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2009

BỘ CÔNG THƯƠNG

THÔNG TƯ

ĐẾN Số Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
Ngày: **phi nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay**
Chuyên:

Căn cứ Luật Cảng hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29/6/2006 và Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 8603/BGTVT-TC ngày 07/12/2009.

Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phi nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay như sau:

Điều 1. Đối tượng nộp

1. Đối tượng nộp phi nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay đối với dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và kinh doanh cảng hàng không là các doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay. Đối tượng nộp phi được hạch toán khoản tiền phí phải nộp theo quy định tại Thông tư này vào chi phí sản xuất kinh doanh hợp lý được trừ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp và không được thu thêm (cộng thêm) số tiền phí phải nộp theo Thông tư này vào giá dịch vụ khi cung cấp dịch vụ cất cánh, hạ cánh, dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đối với khách hàng.

2. Đối tượng nộp phi nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay đối với các dịch vụ hàng không (trừ dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này) tại cảng hàng không, sân bay là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không có các hoạt động chịu phí theo biểu mức thu quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

Điều 2. Mức thu

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phi nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm:

1. Phi nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay đối với dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và kinh doanh cảng hàng không;

2. Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay đối với các dịch vụ

hàng không (trừ dịch vụ chịu phí quy định tại khoản 1 Điều này) tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 3. Thu, nộp và quản lý sử dụng

Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay đối với dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và kinh doanh cảng hàng không do Cảng vụ hàng không thu (sau đây gọi là cơ quan thu phí) là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Cơ quan thu phí được trích một tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền phí thực thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện nhiệm vụ của Cảng vụ hàng không theo quy định tại Điều 60 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam theo chế độ quy định, như sau:

- a) Cảng vụ Hàng không miền Bắc: 80% (tám mươi phần trăm);
- b) Cảng vụ Hàng không miền Trung: 100% (một trăm phần trăm);
- c) Cảng vụ Hàng không miền Nam: 70% (bảy mươi phần trăm).

2. Cơ quan thu phí có trách nhiệm kê khai, nộp và quyết toán số tiền phí còn lại tương ứng vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

3. Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay đối với các dịch vụ hàng không (trừ dịch vụ chịu phí quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này) tại cảng hàng không, sân bay do doanh nghiệp cảng hàng không thu là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, tổ chức, cá nhân thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được cùng với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2010 và thay thế Quyết định số 22/2008/QĐ-BTC ngày 06/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí nhượng quyền khai thác tại cảng hàng không, sân bay.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 và Thông tư số 157/2009/TT-BTC ngày 06/8/2009 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành

một số điều của Luật Quản lý thuế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. *Tuy*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hàng không Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST3)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn



**BIỂU MỨC THU PHÍ NHƯỢNG QUYỀN
KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 240/2009/TT-BTC
ngày 25/12/2009 của Bộ Tài chính)

**I. Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay đối với dịch vụ
bảo đảm hoạt động bay và kinh doanh cảng hàng không**

Stt	Dịch vụ chịu phí	Mức thu (đồng/lượt hạ hoặc cất cánh)
1	Bảo đảm hoạt động bay	165.000
2	Kinh doanh cảng hàng không	335.000

Trong đó: Mức thu phí được tính trên sản lượng chuyển bay hạ cánh hoặc cất cánh không thuộc đối tượng miễn thu (sản lượng tính theo lượt hạ cánh hoặc cất cánh) đi hoặc đến các cảng hàng không thuộc khu vực do Cảng vụ hàng không thực hiện chức năng quản lý nhà nước (Cảng vụ hàng không khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam).

II. Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay đối với các dịch vụ hàng không (trừ dịch vụ bảo đảm hoạt động bay) tại cảng hàng không, sân bay

Stt	Dịch vụ chịu phí	Mức thu
1	Kinh doanh và khai thác dịch vụ tại nhà ga hành khách	1%
2	Kinh doanh và khai thác dịch vụ tại nhà ga, kho hàng hoá	1,5%
3	Phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất	1,5%
4	Sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay tại sân đỗ tàu bay hoặc khu vực thuộc quản lý của Tổng công ty cảng hàng không	1%
5	Kỹ thuật hàng không tại sân đỗ hoặc khu vực thuộc quản lý của Tổng công ty cảng hàng không	1%
6	Cung cấp suất ăn hàng không	75.000 đồng/chuyến bay
7	Cung cấp xăng dầu hàng không	1,2 USD/lần

Trong đó:

- Các mức thu theo tỷ lệ phần trăm (%) được tính trên doanh thu thực tế thu được của dịch vụ chịu phí tương ứng, không bao gồm thuế giá trị gia tăng;

- Doanh thu để tính phí nhượng quyền khai thác không bao gồm doanh thu của các doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc, các công ty con của Tổng công ty hàng không Việt Nam cung ứng cho Tổng công ty hàng không Việt Nam;

- Khai thác nhà ga, kho hàng hoá không bao gồm phần diện tích của Nhà nước giao cho Tổng công ty hàng không Việt Nam quản lý;
- Trường hợp chuyến bay không sử dụng dịch vụ suất ăn hàng không từ các doanh nghiệp được nhượng quyền thì không phải nộp phí nhượng quyền khai thác dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không;
- Các mức thu quy định tại mục này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng./.